TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6- ĐỒNG THÁP** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/2025
"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình
L hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐỒNG THÁP

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Kiều

Ông Nguyễn Viết Thanh

- *Thư ký phiên toà*: Ông Đặng Nam Quang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6- Đồng Tháp.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình L hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 118/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Trần Thị Trúc L, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số nhà , tổ , ấp , xã Tân Thuận Đông, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Số nhà , tổ , khóm , phường 6, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

-Bị đơn: Anh Đỗ Văn N, sinh năm: 1990

Địa chỉ: Số nhà , tổ , ấp , xã , thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Trần Thị Trúc L có mặt tại phiên tòa, Anh Đỗ Văn N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/3/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Trúc L trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Trúc L và anh Đỗ Văn N kết hôn năm 2012, đăng ký kết hôn ngày 04/10/2012, do Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận Đông cấp. Vợ chồng chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, sau do

vợ chồng có bất đồng trong cuộc sống, anh N tánh tình nóng nẫy, khi uống rượu vào thì có những lời lẽ xúc phạm chị, nên vợ chồng đã sống L thân từ tháng 6/2023 đến nay. Từ đó đến nay, chị về bên mẹ ruột sinh sống vì mẹ chị bệnh không người chăm sóc. chị đã cho anh N có thời gian sửa đổi tính tình để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không hàn gắn được nên tình cảm vợ chồng không còn. Anh N có hành vi đập đồ, đốt sách vở của con làm chị và các con rất sợ hãi nên chị không đồng ý quay về tiếp tục chung sống với anh N.

Nay chị Trần Thị Trúc L yêu cầu được L hôn với anh Đỗ Văn N.

- Về con chung: Chị Trần Thị Trúc L và anh Đỗ Văn N có 02 con chung tên:

Đỗ Trần Ngọc V, sinh ngày 06/3/2013

Đỗ Trần Khắc H, sinh ngày 16/9/2015

Hiện nay, hai con chung đang sống với chị Trần Thị Trúc L. Khi L hôn chị Trần Thị Trúc L yêu cầu nuôi 02 con chung: Đỗ Trần Ngọc V, sinh ngày 06/3/2013 và Đỗ Trần Khắc H, sinh ngày 16/9/2015, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi 2 con chung.

- Về tài sản chung: Chị Trần Thị Trúc L và anh Đỗ Văn N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Trần Thị Trúc L và anh Đỗ Văn N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên hòa giải và trong quá trình xét xử, bị đơn Đỗ Văn N được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không nộp văn bản ý kiến về việc yêu cầu L hôn của chị Trần Thị Trúc L.

Tại văn bản ý kiến của con chung Đỗ Trần Ngọc V, Đỗ Trần Khắc H: các cháu đang sống với mẹ là chị Trần Thị Trúc L, và có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị Trần Thị Trúc L sau khi ba mẹ L hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ theo đơn khởi kiện của chị Trần Thị Trúc L và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình - L hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Đỗ Văn N, địa chỉ: Số nhà 345, tổ 10, ấp Tân Phát, xã Tân Thuận Đông, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp theo quy

định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đỗ Văn N nhưng anh không có mặt tại tại phiên tòa. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với cho anh Đỗ Văn N.

[4] *Về nội dung:* Xét quan hệ hôn nhân chị Trần Thị Trúc L và anh Đỗ Văn N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận Đông cấp ngày 04/10/2012, theo giấy chứng nhận kết hôn số 101 nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa, chị Trần Thị Trúc L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: yêu cầu được L hôn với anh Đỗ Văn N.

Theo chị Trần Thị Trúc L trình bày tại phiên tòa, ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau do vợ chồng có bất đồng trong cuộc sống, anh N khi uống rượu vào thì có những lời lẽ xúc phạm chị, nên vợ chồng đã sống L thân từ tháng 6/2023 đến nay, chị về bên mẹ ruột sinh sống vì mẹ chị bệnh không người chăm sóc, thỉnh thoảng chị có về bên chồng vì các con chị học ở trường gần nhà bên chồng nên chị cũng còn tới lui, chị đã cho anh N có thời gian sửa đổi tính tình để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không hàn gắn được nên tình cảm vợ chồng không còn. Bên cạnh đó, anh N có hành vi đập đồ, đốt sách vở của con làm chị và các con rất sợ hãi nên chị không đồng ý quay về tiếp tục chung sống với anh N.

Đối với anh Đỗ Văn N, Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ, gửi các văn bản tố tụng và anh N đã nhận được nhưng vắng mặt không có lý do và không nộp văn bản ý kiến đến Tòa án.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử nhận thấy: hôn nhân của chị Trần Thị Trúc L và anh Đỗ Văn N lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin L hôn của chị Trần Thị Trúc L.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị Trúc L và anh Đỗ Văn N có 02 con chung tên:

Đỗ Trần Ngọc V, sinh ngày 06/3/2013

Đỗ Trần Khắc H, sinh ngày 16/9/2015

Hiện nay, hai con chung đang sống với chị Trần Thị Trúc L. Khi L hôn chị Trần Thị Trúc L yêu cầu nuôi 02 con chung: Đỗ Trần Ngọc V, sinh ngày 06/3/2013 và Đỗ Trần Khắc H, sinh ngày 16/9/2015, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi 2 con chung.

Xét yêu cầu của chị L, cháu Đỗ Trần Ngọc V và Đỗ Trần Khắc H từ nhỏ đến nay được chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và có nguyện vọng

tiếp tục sống cùng chị L sau khi cha mẹ L hôn. Bên cạnh đó, từ khi Tòa án thụ lý đến nay anh N không có văn bản ý kiến gửi Tòa án về vấn đề nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu Đỗ Trần Ngọc V và Đỗ Trần Khắc H cho chị L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng, chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con vì chị đủ điều kiện về kinh tế để tự nuôi con được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L.

Sau khi L hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[5] Về tài sản chung: Chị Trần Thị Trúc L và anh Đỗ Văn N không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị Trần Thị Trúc L và anh Đỗ Văn N không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí mà chị đã nộp, nên chị đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Trúc L: Chị Trần Thị Trúc L được L hôn anh Đỗ Văn N.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Trúc L và anh Đỗ Văn N có 02 con chung:

Đỗ Trần Ngọc V, sinh ngày 06/3/2013

Đỗ Trần Khắc H, sinh ngày 16/9/2015

Hiện nay, hai con chung đang sống với chị Trần Thị Trúc L. Khi L hôn, chị Trần Thị Trúc L nuôi 02 con chung: Đỗ Trần Ngọc V, sinh ngày

06/3/2013 và Đỗ Trần Khắc H, sinh ngày 16/9/2015. Anh N không cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu.

Sau khi L hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị Trúc L và anh Đỗ Văn N không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Trần Thị Trúc L và anh Đỗ Văn N không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Trúc L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000770 ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Chị Trần Thị Trúc L đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: chị Trần Thị Trúc L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a , 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND KV6-ĐT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thanh Mai

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Huỳnh Văn Kiều – Nguyễn Viết Thanh **Lê Thanh Mai**